TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỌ XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 19/3/2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đăng Thiện

2. Ông Nguyễn Văn Sâm

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trần Lê Diệu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà:* Bà Trần Thị Tỉnh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 247/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị L, sinh năm 1983; số định danh cá nhân: 038183016659; nơi ĐKHKTT: Thôn G, xã Q, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ở hiện nay: Thôn N, xã B, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn L1, sinh năm 1980; số định danh cá nhân: 038080005350; địa chỉ: Thôn G, xã Q, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn L1 qua tìm hiểu, lấy nhau là do hai bên tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, đăng ký kết

hôn tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 16/7/2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc và đã có con chung với nhau. Tuy nhiên, từ năm 2019 thì tình cảm giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do trong sinh hoạt vợ chồng xảy ra nhiều bất đồng, không có tiếng nói chung, việc anh L1 không quan tâm đến gia đình, mà thờ ơ, lạnh nhạt với vợ con. Hai bên gia đình đã cố gắng hòa giải, hàn gắn tình cảm cho vợ chồng, nhưng không có kết quả, mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Từ tháng 01/2021 chị đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng chính thức ly thân cho đến nay, không còn qua lại với nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng, nên đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn.

Về con chung: Chị Lê Thị L xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Hoàng Thị Lan H, sinh ngày 20/4/2008; hiện nay con đang ở với chị. Ly hôn, chị L có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung; không yêu cầu anh L1 phải cấp dưỡng.

Về tài sản và công nợ: Chị Lê Thị L xác định không có gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án, bị đơn là anh Hoàng Văn L1 trình bày thể hiện quan điểm như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị L hiện nay không còn tình cảm với nhau, cuộc sống chung không còn tồn tại, nên anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Hoàng Thị Lan H, sinh ngày 20/4/2008. Quan điểm của anh là đồng ý để chị L trực tiếp nuôi dưỡng; anh không phải cấp dưỡng.

Về tài sản và công nợ: Anh L1 xác định vợ chồng không có gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh lập ngày 21/02/2025, đại diện UBND xã Q cho biết: Chị Lê Thị L và anh Hoàng Văn L1 có quan hệ là vợ chồng, đăng ký kết hôn tại UBND xã B. Qúa trình chung sống vợ chồng chị L và anh L1 có 01 con chung là cháu Hoàng Thị Lan H, sinh ngày 20/4/2008. Hiện nay chị L và anh L1 đã ly thân; Chị L không còn sinh sống ở địa phương. Về mâu thuẫn giữa vợ chồng, địa phương không nắm bắt được vì gia đình không báo cáo và không yêu cầu hòa giải ở cơ sở.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, như sau:

I. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố

tụng dân sự. Bị đơn thực hiện chưa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên xét thấy vi phạm đó không ảnh hưởng nghiêm trọng đến quá trình giải quyết vụ án.

II. Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị L. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị L được ly hôn đối với anh Hoàng Văn L1.

2. Về con chung: giao con chung là cháu Hoàng Thị Lan H, sinh ngày 20/4/2008 cho chị L được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh L1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh L1 có quyền đi lại thăm nom, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Án phí dân sự: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị L khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với anh Hoàng Văn L1, hiện đang cư trú tại: Thôn G, xã Q, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là anh Hoàng Văn L1 vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Hoàng Văn L1 tự nguyện kết hôn, đã được UBND xã B, huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/7/2007, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh L1 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn về tình cảm, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong gia đình, nên đã thường xuyên để xảy ra việc cãi vã, xúc phạm nhau. Từ tháng 01 năm 2021 vợ chồng đã sống ly thân. Qúa trình giải quyết vụ án, chị L một mực đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn; anh L1 cũng có gửi Văn

bản cho Tòa án trình bày ý kiến thể hiện quan điểm là đồng ý ly hôn. Do đó, có đủ cơ sở xác định: Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh L1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị L, xử cho chị Lê Thị L được ly hôn với anh Hoàng Văn L1.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị L và anh Hoàng Văn L1 đều xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Hoàng Thị Lan H, sinh ngày 20/4/2008.

Xét: Quá trình giải quyết vụ án, chị L có ý kiến xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và đã chứng minh được các điều kiện để nuôi con. Anh L1 có Văn bản trình bày ý kiến thể hiện quan điểm là đồng ý để chị L được quyền trực tiếp nuôi con; Con chung là cháu H cũng có văn bản thể hiện nguyện vọng xin được ở với mẹ (chị L). Thực tế hiện nay con đang ở với chị L, đã được chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng tốt từ khi vợ chồng ly thân năm 2021 đến nay. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, cần thiết giao con chung cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh L1 phải cấp dưỡng nuôi con chung, xét đây là sự tự nguyện của chị L và phù hợp với quy định của pháp luật, nên được chấp nhận. Do đo, anh L1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản và công nợ: Chị Lê Thị L và anh Hoàng Văn L1 đều xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị L được ly hôn với anh Hoàng Văn L1

2. Về con chung: Chị Lê Thị L và anh Hoàng Văn L1 có 01 (một) con chung là cháu Hoàng Thị Lan H, sinh ngày 20/4/2008.

Giao con chung là cháu Hoàng Thị Lan H cho chị Lê Thị L được quyền trực

tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Hoàng Văn L1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Hoàng Văn L1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản và công nợ: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Lê Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị L đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005293 ngày 27/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Như vậy, chị Lê Thị L đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã Bắc Lương, huyện Thọ Xuân;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Minh Tiến